

Số: /2021/NĐ-CP Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Dự thảo lần 2

NGHỊ ĐỊNH

Quy định mô hình quản lý khu du lịch quốc gia

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định mô hình quản lý khu du lịch quốc gia.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về mô hình quản lý khu du lịch quốc gia gồm: mô hình quản lý khu du lịch quốc gia; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của Ban Quản lý khu du lịch quốc gia; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong công tác quản lý khu du lịch quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan tới hoạt động đầu tư, phát triển và quản lý khu du lịch quốc gia.

Điều 3: Giải thích từ ngữ

Trong nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Khu du lịch quốc gia do doanh nghiệp đầu tư hình thành* là khu du lịch, trong đó doanh nghiệp trực tiếp đầu tư xây dựng, hình thành, phát triển tài nguyên du lịch, các công trình hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, quyết định đến quy mô, công năng, mục tiêu phát triển của khu du lịch quốc gia theo khoản 2, Điều 26 Luật Du lịch 2017 và Điều 13 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP của Chính phủ về điều kiện công nhận khu du lịch quốc gia.

2. *Dịch vụ hỗ trợ phát triển khu du lịch quốc gia* là các dịch vụ đáp ứng nhu cầu của tổ chức, cá nhân nhằm thúc đẩy đầu tư, khai thác dịch vụ du lịch,

tăng cường thu hút khách du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ tại khu du lịch quốc gia được cung cấp bởi Ban Quản lý khu du lịch quốc gia.

Chương II

QUẢN LÝ KHU DU LỊCH QUỐC GIA

Điều 4. Mô hình quản lý khu du lịch quốc gia

1. Đối với khu du lịch quốc gia do doanh nghiệp đầu tư hình thành: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không thành lập Ban Quản lý khu du lịch quốc gia. Doanh nghiệp có trách nhiệm quản lý và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để quản lý khu du lịch quốc gia theo quy định tại khoản 4, Điều 8 Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Đối với khu du lịch quốc gia không thuộc khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tổ chức lại Ban Quản lý khu du lịch quốc gia là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Đối với khu du lịch quốc gia có ranh giới trong hoặc trùng với ranh giới vườn quốc gia, khu di tích đã có Ban Quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét thành lập Ban Quản lý khu du lịch quốc gia hoặc tổ chức lại Ban Quản lý chuyên ngành theo quy định tại khoản 2 Điều này để Ban Quản lý thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý khu du lịch quốc gia theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan tới lĩnh vực chuyên ngành đối với vườn quốc gia và khu di tích.

4. Đối với khu du lịch quốc gia có tài nguyên được tổ chức thế giới công nhận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lại Ban Quản lý khu du lịch quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều này. Ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 5 của Nghị định này, Ban Quản lý khu du lịch quốc gia phải thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan tới các quy định, cam kết của tổ chức thế giới mà Việt Nam tham gia.

5. Đối với khu du lịch quốc gia nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Ban Quản lý khu du lịch quốc gia trong phạm vi lãnh thổ quản lý và thống nhất với tỉnh còn lại ban hành quy chế phối hợp để quản lý và khai thác khu du lịch quốc gia.

6. Đối với khu du lịch quốc gia do các Bộ quản lý: Việc thành lập Ban Quản lý khu du lịch quốc gia, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế hoạt động và cơ chế phối hợp với các cơ quan liên quan do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề án thành lập của Bộ chủ quản.

7. Ban Quản lý khu du lịch quốc gia được thành lập hoặc tổ chức lại sau khi khu du lịch quốc gia được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận.

8. Ban Quản lý khu du lịch quốc gia được thành lập hoặc tổ chức lại để quản lý một hoặc nhiều khu du lịch quốc gia trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh.

9. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể các Ban Quản lý khu du lịch quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý khu du lịch quốc gia

Ban Quản lý khu du lịch quốc gia có chức năng quản lý và phát triển khu du lịch quốc gia. Ban Quản lý khu du lịch quốc gia có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Nghiên cứu, xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành

a) Kế hoạch phát triển khu du lịch quốc gia dài hạn, trung hạn, hàng năm và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Các chủ trương, chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư vào khu du lịch quốc gia, các chương trình, dự án đầu tư phát triển trong khu du lịch quốc gia;

2. Tham gia ý kiến đối với các dự án đầu tư trong phạm vi khu du lịch quốc gia; giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư đã được phê duyệt đảm bảo đúng quy hoạch.

3. Tổ chức thực hiện

a) Nghiên cứu, đánh giá, xác định sức chứa của khu du lịch quốc gia để quản lý và tổ chức khai thác hiệu quả và bền vững tài nguyên du lịch;

b) Nghiên cứu, xây dựng, phát triển sản phẩm, thương hiệu điểm đến khu du lịch quốc gia; tổ chức hoạt động xúc tiến, quảng bá khu du lịch quốc gia tới thị trường trong nước và quốc tế;

c) Hướng dẫn, thuyết minh phục vụ khách du lịch; cung cấp dịch vụ hỗ trợ phát triển khu du lịch quốc gia; liên doanh, liên kết với các tổ chức và cá nhân để tổ chức kinh doanh dịch vụ du lịch, quản lý, khai thác tài nguyên du lịch trong phạm vi khu du lịch quốc gia;

d) Quản lý, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật của các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, các tổ chức, cá nhân liên quan; giám sát chất lượng dịch vụ du lịch;

đ) Tư vấn, hỗ trợ hoạt động đầu tư, khai thác kinh doanh phát triển du lịch trong phạm vi khu du lịch quốc gia;

e) Xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý, bảo vệ, bảo tồn, đầu tư, trùng tu, tôn tạo, phục dựng, tái hiện, nâng cao giá trị, đa dạng hoá tài nguyên theo quy định của pháp luật có liên quan;

g) Đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn cho khách du lịch, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, cứu hộ, cứu nạn trong phạm vi khu du lịch quốc gia;

h) Tổ chức hoạt động trung tâm hỗ trợ du khách, cung cấp thông tin trong khu du lịch quốc gia; xây dựng hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn; tiếp nhận giải quyết khiếu nại của khách du lịch trong phạm vi khu du lịch;

i) Xây dựng Quy chế hoạt động, Quy chế phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để đảm bảo công tác quản lý và phát triển khu du lịch quốc gia, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện;

k) Thu, quản lý và sử dụng các loại phí tham quan, phí dịch vụ và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

l) Kiểm tra ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong khu du lịch quốc gia; lập biên bản ban đầu, bảo quản tang vật vi phạm, kịp thời báo cáo với người, cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

m) Xây dựng cơ sở dữ liệu số về khu du lịch quốc gia và kết nối với hệ thống dữ liệu của tỉnh và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; hình thành các báo cáo trên nền tảng dữ liệu số;

n) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này và một số nhiệm vụ liên quan khác theo quy định của pháp luật.

4. Đối với Ban Quản lý được giao quản lý, sử dụng di sản thế giới

a) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại khoản 1, 2 và 3 của Điều này;

b) Thực hiện một số nhiệm vụ liên quan khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ, quản lý di sản thế giới và các điều ước quốc tế Việt Nam đã ký kết.

Điều 6. Cơ chế hoạt động của Ban Quản lý khu du lịch quốc gia

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quy chế hoạt động; Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý khu du lịch quốc gia với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn khu du lịch quốc gia.

2. Cơ chế phối hợp

a) Ban Quản lý khu du lịch quốc gia làm đầu mối chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để quản lý và phát triển khu du lịch quốc gia; chịu sự kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật của Ban Quản lý khu du lịch quốc gia; phối hợp với Ban Quản lý khu du lịch quốc gia trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ liên quan tới công tác quản lý và phát triển khu du lịch quốc gia;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn khu du lịch quốc gia phối hợp với Ban Quản lý khu du lịch quốc gia thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và các nhiệm vụ khác được phân công.

3. Chế độ báo cáo

Hàng năm, Ban Quản lý khu du lịch quốc gia xây dựng và gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Tổng cục Du lịch), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh các báo cáo sau:

a) Báo cáo sơ kết 06 tháng công tác quản lý và phát triển khu du lịch quốc gia;

b) Báo cáo tổng kết năm công tác quản lý và phát triển khu du lịch quốc gia;

c) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng cục Du lịch và cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh;

d) Nội dung báo cáo sơ kết và tổng kết gồm các nội dung đánh giá công tác thực hiện các nội dung quản lý khu du lịch quốc gia được quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Du lịch (kết quả thực hiện, khó khăn, hạn chế, nguyên nhân), phương hướng hoạt động trong thời gian tiếp theo, kiến nghị và đề xuất;

đ) Thời hạn gửi báo cáo sơ kết trước ngày 15 tháng 6 của năm báo cáo; thời hạn gửi báo cáo tổng kết năm trước ngày 15 tháng 01 năm tiếp theo của năm báo cáo.

Điều 7. Cơ chế tài chính

1. Ban Quản lý khu du lịch quốc gia thực hiện cơ chế tài chính theo quy định hiện hành và được đảm bảo chi hoạt động, đầu tư từ các nguồn sau:

a) Ngân sách nhà nước (nếu có);

b) Nguồn thu từ các dịch vụ cung ứng; hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; cho thuê tài sản công;

c) Phí tham quan và lệ phí khác (nếu có);

d) Phí bảo vệ môi trường được trích lại (nếu có);

đ) Đóng góp của các nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân kinh doanh trong khu du lịch quốc gia để thực hiện các hoạt động chung liên quan tới công tác xúc tiến, đầu tư và phát triển khu du lịch quốc gia;

e) Các khoản tài trợ;

g) Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý khu du lịch quốc gia được sử dụng các nguồn thu để chi cho các hoạt động sau:

a) Chi hoạt động thường xuyên;

b) Chi hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch, xúc tiến đầu tư, phát triển thương hiệu và hỗ trợ phát triển sản phẩm khu du lịch quốc gia;

c) Chi hoạt động bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch;

d) Chi bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực;

đ) Chi các hoạt động hỗ trợ phát triển, bảo tồn khác đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý;

e) Trích lập các khoản dự phòng và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong công tác quản lý khu du lịch quốc gia

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Định hướng, quy hoạch phát triển khu du lịch quốc gia; định hướng công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, giữ gìn bản sắc dân tộc, nghề thủ công truyền thống, đào tạo nhân lực trong phạm vi khu du lịch quốc gia;

b) Hỗ trợ các hoạt động đầu tư, xúc tiến quảng bá khu du lịch quốc gia trong chương trình xúc tiến điểm đến quốc gia;

c) Thực hiện thanh tra, kiểm tra quản lý và kinh doanh tại các khu du lịch quốc gia.

d) Đối với khu du lịch quốc gia được giao quản lý: tổ chức thực hiện những nội dung về quản lý khu du lịch quốc gia theo quy định tại khoản 1, Điều 29 Luật Du lịch đảm bảo hiệu quả và bền vững;

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ

a) Xây dựng và hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan tới công tác quản lý khu du lịch quốc gia;

b) Tổ chức thanh, kiểm tra chuyên ngành đối với việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật tại các khu du lịch quốc gia;

c) Đối với khu du lịch quốc gia được giao quản lý: tổ chức thực hiện những nội dung về quản lý khu du lịch quốc gia theo quy định tại khoản 1, Điều 29 Luật Du lịch đảm bảo hiệu quả và bền vững;

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Tổ chức thực hiện những nội dung về quản lý khu du lịch quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Du lịch trên địa bàn đảm bảo hiệu quả, bền vững;

b) Thực hiện thành lập, tổ chức lại Ban Quản lý khu du lịch quốc gia theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này; quản lý, giám sát và chịu trách nhiệm với cơ quan cấp trên về hoạt động của Ban Quản lý khu du lịch quốc gia;

c) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với khu du lịch quốc gia trên địa bàn và hướng dẫn, phối hợp với Ban Quản lý khu du lịch quốc gia thực hiện các nội dung liên quan tới công tác quản lý, phát triển khu du lịch quốc gia;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chủ trì và phối hợp với Ban Quản lý khu du lịch quốc gia thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường trong phạm vi khu du lịch quốc gia.

đ) Đối với khu du lịch quốc gia do các Bộ quản lý: phối hợp với các Bộ trong công tác quản lý khu du lịch quốc gia.

4. Trách nhiệm của doanh nghiệp đầu tư, quản lý khu du lịch quốc gia

a) Tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Du lịch và các quy định khác có liên quan;

b) Thực hiện các quy định tại khoản 3, Điều 5 của Nghị định này, trừ các điểm d, i và l.

5. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ và cộng đồng địa phương sinh sống trong phạm vi khu du lịch quốc gia tuân thủ các quy định của pháp luật và nội quy của khu du lịch quốc gia; có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ tài nguyên du lịch trong phạm vi khu du lịch quốc gia.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các Ban Quản lý tại các khu du lịch quốc gia đã được thành lập trước khi Nghị định có hiệu lực có những nội dung không phù hợp với quy định tại Nghị định này thì trong thời hạn 12 tháng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải tổ chức lại theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG